| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH CHƯƠNG**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 23/7/2020.
*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Dũng**
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1.Ông: **Trần Đình Tâm**
2.Bà: **Phạm Thị Mai**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Anh Thư** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST- HNGĐ ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1978; địa chỉ: Xóm M, xã TM, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

*Bị đơn:* Chị **Phạm Thị M**, sinh năm: 1977; địa chỉ: Xóm MT, xã TM, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau vào ngày 15/11/1999 do hai bên tự nguyện,có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TC, tỉnh NA. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 12/2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp,vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.Tình cảm vợ chồng là không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị M.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con là Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010. Hiện tại cháu Nguyễn Văn N đã trên 18 tuổi, trưởng thành đã có công việc làm ổn định, anh không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Lan A,sinh ngày 05/6/2010 và không yêu cầu chị Phạm Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn chị Phạm Thị M:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào ngày 15/11/1999 do hai bên tự nguyện,có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TC, tỉnh NA. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu,đến tháng 12/2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, kinh tế khó khăn nên xảy ra mâu thuẫn, anh N sống không chung thủy, đánh đập chị.Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng là không còn, nhưng anh N xin ly hôn thì chị Phạm Thị M không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con là Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010. Hiện tại cháu Nguyễn Văn N đã trên 18 tuổi, trưởng thành đã có công việc làm ổn định, chị không yêu cầu Tòa án án giải quyết.

Chị Phạm Thị M tôn trọng ý kiến con, chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng,chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Phạm Thị M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà xây 03 gian trị giá 100.000.000đồng; 01 chuồng trâu xây táp lô trị giá 150.000.000đồng; Ao cá khoảng 2000m$^2$ trị giá 50.000.000đồng; 01 con trâu trị giá 30.000.000đồng; 01 con bò trị giá 30.000.000đồng; Bờ rào xây đá vôi trị giá 70.000.000đồng;Nhà tắm xâu trị giá 40.000.000đồng;Mái tôn trị giá 30.000.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 500.000.000đồng *( Năm trăm triệu)*.Số tài sản này chị yêu cầu Tòa án chia đôi cho vợ chồng.

Ngày 01/7/2020 chị đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 116/TB-TA ngày 01/7/2020của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, nội dung thông báo cho chị nộp 12.000.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị không nộp tiền tạm ứng án phí với lý do: Anh Nguyễn Văn N làm đơn xin ly hôn chị thì đề nghị Tòa án yêu cầu anh N nộp tiền tạm ứng án phí.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, chị Phạm Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Phạm Thị M.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Lan A,sinh ngày 05/6/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị M.

Đối với con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2000 đã trên 18 tuổi, trưởng thành đã có công việc làm ổn định,các đương sự không yêu cầu Tòa án án giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản và nợ: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nhưng chị Phạm Thị M không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho chị Phạm Thị M đúng theo quy định của pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Phạm Thị M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị M là hợp pháp, được xác lập trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh NA vào ngày 15/11/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vu án và tại phiên tòa thì anh Nguyễn Văn N, chị Phạm Thị M đều thừa nhận là tình cảm vợ chồng là không còn. Anh Nguyễn Văn N xin ly thì chị Phạm Thị M không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị M chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực chất tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N, xử cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị M là đúng với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con là Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2000 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010. Anh Nguyễn Văn N có nguyện vọng được nuôi con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010, nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Lan A là được ở với anh Nguyễn Văn N. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì chị Phạm Thị M có ý kiến là chị tôn trọng ý kiến của con, chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng,chị xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét thấy từ khi vợ chồng anh Nguyễn Văn N, chị Phạm Thị M sống ly thân thì cháu Nguyễn Thị Lan A ở với anh Nguyễn Văn N, anh N có đủ điều kiện về mọi mặt để trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con do đó ghi nhận

sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị M, giao con cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của con, đúng với quy định tại các Điều 81; 82;83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Nguyễn Văn N đã trên 18 tuổi,trưởng thành và có việc làm ổn định,các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về chia tài sản và nợ: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phạm Thị M có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 nhà xây 03 gian trị giá 100.000.000đồng; 01 chuồng trâu xây táp lô trị giá 150.000.000đồng; Ao cá khoảng 2000$m^2$ trị giá 50.000.000đồng; 01 con trâu trị giá 30.000.000đồng; 01 con bò trị giá 30.000.000đồng;Bờ rào xây đá vôi trị giá 70.000.000đồng;Nhà tắm xâu trị giá 40.000.000đồng;Mái tôn trị giá 30.000.000đồng. Tổng trị giá tài sản là 500.000.000đồng *( Năm trăm triệu)*.Số tài sản này chị Phạm Thị M yêu cầu Tòa án chia đôi cho vợ chồng.

Ngày 01/7/2020 Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 116/TB - TA và đã tống đạt hợp lệ cho chị Phạm Thị M vào ngày 01/7/2020,nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Phạm Thị M có ý kiến là anh Nguyễn Văn N khởi kiện thì yêu cầu anh N nộp tiền tạm ứng án phí, chị không nộp.

Đã hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chị Phạm Thị M không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án và chị Phạm Thị M không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 10/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương đã ra Thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện.

Ngày 13/7/2020 Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện số 116/TB-TA ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương cho chị Phạm Thị M và trả lại đơn yêu cầu giải quyết về tài sản cho chị Phạm Thị M, chị M không có khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung thì chị mới đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy chị Phạm Thị M là người có đơn yêu cầu giải quyết về chia tài sản,thuộc trường hợp phải nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng đã hết thời hạn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chị không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, chị Phạm Thị M không thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét yêu cầu về chia tài sản của chị Phạm Thị M trong vụ án này. Chị Phạm Thị M có quyền khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Phạm Thị M.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/6/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phạm Thị M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)*đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng*(Ba trăm ngàn)* theo biên lai số 0004422 ngày 25/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H.Thanh Chương;
- UBND xã TM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Dũng**